

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC DÂN TỘC KHMER VÙNG TÂY NAM BỘ GÓP PHẦN THỰC HIỆN XÓA ĐÓI, GIẢM NGHÈO MỘT CÁCH BỀN VỮNG

NGUYỄN NGỌC CHUNG (*)

TÓM TẮT

Dân tộc Khmer là một trong những dân tộc ít người sống ở vùng Tây Nam Bộ, tập trung chủ yếu ở Sóc Trăng và Trà Vinh. Vùng Tây Nam Bộ (hay còn gọi là vùng đồng bằng sông Cửu Long) là vùng đất màu mỡ, giàu tiềm năng kinh tế. Để khai thác tiềm năng, thế mạnh của vùng, bên cạnh việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nhà nước cần tăng cường các chính sách phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong đó có dân tộc Khmer vùng Tây Nam Bộ. Đặc biệt là, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực dân tộc Khmer, góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nam Bộ một cách bền vững. Đảng và Nhà nước nhiều năm qua đã ban hành nhiều cơ chế chính sách, trong đó có chính sách phát triển giáo dục đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nguồn nhân lực trình độ cao cho đồng bào dân tộc Khmer được đặc biệt quan tâm.

1. VÀI NÉT VỀ ĐẶC ĐIỂM DÂN TỘC KHMER TÂY NAM BỘ

Vùng Tây Nam Bộ hay còn gọi là vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) bao gồm 12 tỉnh và thành phố Cần Thơ, có diện tích 39.712 km² (chiếm 12% diện tích cả nước; dân số gần 18 triệu người (chiếm 22% dân số cả nước). Tây Nam Bộ là vùng đất giàu tiềm năng, có nhiều nguồn lực phát triển về kinh tế, văn hóa, xã hội, con người và có vị trí đặc biệt quan trọng về an ninh

quốc phòng. Hàng năm, sản xuất hơn 50% lượng lúa, trên 90% kim ngạch xuất khẩu gạo, trên 62% lượng thủy hải sản, trên 60% kim ngạch xuất khẩu thủy hải sản và 70% lượng trái cây so cả nước. Ngoài ra, mỗi năm bình quân ĐBSCL đóng góp cho cả nước khoảng 22% GDP; xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp năm 2011 đạt 9 tỷ USD; thặng dư kim ngạch trên 6 tỷ USD.

Sống trên mảnh đất giàu tiềm năng và màu mỡ nói trên là cộng đồng của nhiều dân tộc khác nhau; chủ yếu là các dân tộc có gắn bó truyền thống, lịch sử, văn hóa lâu đời: Kinh, Khmer, Hoa, Chăm. Dân tộc đông dân nhất là Kinh, chiếm khoảng 92%; kể đến là dân tộc Khmer khoảng 1,3 triệu người, chiếm 7% dân số toàn vùng (chiếm khoảng 92,5% so với tổng số người Khmer sống ở các tỉnh Nam Bộ). Dân tộc Khmer vùng Tây Nam Bộ sống tập trung nhiều nhất ở các tỉnh Sóc Trăng, Trà Vinh.

Dân tộc Khmer ở Tây Nam Bộ phần lớn theo tín ngưỡng Phật giáo phái Tiểu thừa (thờ Phật Thích Ca). Phật giáo đã ăn sâu vào đời sống, văn hóa, truyền thống của người Khmer. Toàn vùng có đến 474 chùa Khmer (chỉ riêng tỉnh Sóc Trăng là 90 chùa); trong đó có nhiều chùa nổi tiếng: chùa Đất Sét, chùa Dơi, chùa La Hán, chùa Chén Kiểu, v.v. Vai trò của chùa Khmer đã ảnh hưởng đến tư tưởng và mọi sinh hoạt của họ. Chùa ngoài việc thờ cúng, tượng trưng cho chốn linh thiêng và giáo dục đạo đức con người luôn hướng đến việc thiện, còn là

(*) Thạc sĩ. Trường Cán bộ quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh.

nơi sinh hoạt văn hóa, giáo dục, dạy chữ, dạy nghề cho người Khmer. Theo phong tục cổ truyền, trẻ em từ 11-15 tuổi phải vào chùa tu hành một thời gian trước khi “xuất thế”. Người Khmer có nhiều lễ hội trong năm; trong đó phải kể đến là Tết Chol Chnan Thmay gắn liền với lễ hội Đua ghe Ngo, ngày càng thu hút các dân tộc trong vùng tham gia. Chính từ các hoạt động trong nhà chùa như thế, nên các sư sãi trong chùa rất được người Khmer kính trọng và tín nhiệm, nhất là các trụ trì. Trong vùng có Học viện Phật giáo Nam tông Khmer tại thành phố Cần Thơ và Trường Bồ tát văn hóa Pali Trung cấp Nam Bộ tại Sóc Trăng.

Người dân Khmer Tây Nam Bộ phần lớn có truyền thống đoàn kết đấu tranh chống ngoại xâm, có tinh thần yêu nước, gắn bó với cách mạng; chủ yếu sống bằng nghề nông, thủ công nghệ; tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới và ngày càng có tư tưởng tiến bộ, vươn lên thoát nghèo, làm giàu chính đáng. Đảng và Nhà nước đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc và có nhiều cơ chế, chính sách phù hợp để tạo điều kiện cho người Khmer vùng Tây Nam Bộ phát triển về mọi mặt.

2. MỘT SỐ CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH TÁC ĐỘNG ĐẾN CÔNG TÁC XÓA ĐÓI, GIẢM NGHÈO ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO KHMER TÂY NAM BỘ

2.1. Chủ trương, chính sách về xóa đói, giảm nghèo

Trong nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách đối với đồng bào dân tộc Khmer vùng Tây Nam Bộ. Nhìn chung các chính sách được triển khai thực hiện và đi vào cuộc sống, đạt hiệu quả về mặt kinh tế và xã hội. Trong đó, nổi bật là các chính sách liên quan đến nông nghiệp, nông thôn như Chương trình 134 (Quyết định 134/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về *Hỗ trợ đất sản xuất,*

đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn); Chương trình 135 về *Phát triển kinh tế-xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi* (giai đoạn I, II và giai đoạn III); tiếp nối Chương trình 134 có Quyết định số 1952/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc *Tiếp tục thực hiện một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt đến năm 2010 cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn*. Đối với đồng bào dân tộc Khmer có Quyết định 74/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về *Giải quyết đất ở, đất sản xuất và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo Đồng bằng sông Cửu Long*.

Ngoài ra, cùng với Trung ương, các địa phương đã tham gia thực hiện các Quyết định 167/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, góp phần an cư lạc nghiệp, ổn định cuộc sống cho đồng bào dân tộc Khmer nghèo; thực hiện Quyết định 1342 của Thủ tướng Chính phủ về *Chính sách hỗ trợ định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số du canh, du cư đến năm 2012*. Các chính sách khác về: cho vay vốn phát triển sản xuất đối với đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn; chính sách trợ giá, trợ cước; chương trình phát triển làng nghề trong vùng đồng bào dân tộc, v.v. cũng được thực hiện có hiệu quả.

Các chủ trương, chính sách nêu trên, đã tác động một cách tích cực và hiệu quả đối với phát triển kinh tế - xã hội nói chung và công tác xóa đói, giảm nghèo cho vùng đồng bào dân tộc Khmer nói riêng. Ước tính hàng năm toàn vùng giảm khoảng 3% hộ nghèo người Khmer; tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt trên 90%; trên 95% số hộ có phương tiện nghe nhìn; phát triển mạng lưới y tế và thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho hộ cận nghèo người Khmer.

2.2. Chính sách phát triển giáo dục và đào tạo cho đồng bào Khmer

Theo Quyết định 1640/QĐ-TTg ngày 21/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt *Đề án củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú giai đoạn 2011 - 2015*, các huyện có từ 10.000 người dân tộc thiểu số trở lên đều được đầu tư xây dựng trường PTDTNT. Hiện nay, đồng bào Khmer toàn vùng có 29 trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT); gồm: 11 trường PTDTNT cấp tỉnh, 18 PTDTNT cấp huyện. Ngoài ra, một số địa phương đã nâng cấp trường PTDTNT cấp huyện để đào tạo liên cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông. Học sinh PTDTNT cấp trung học chiếm 10,9% so với số học sinh dân tộc thiểu số cấp trung học của vùng (Theo chỉ tiêu Quyết định 1033/QĐ-TTg đề ra là 12% vào năm 2015).

Các địa phương đã thực hiện tốt chính sách cử tuyển vào các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp nhằm tăng cường đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao và nâng cao chất lượng lao động cho đồng bào Khmer Tây Nam Bộ. Đồng thời, nhiều địa phương đã ban hành chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trình độ cao và ưu tiên cho đồng bào dân tộc Khmer. Ưu tiên xét tuyển vào Trường Dự bị Đại học Thành phố Hồ Chí Minh cho học sinh là người Khmer. Trường Đại học Trà Vinh đưa vào chương trình giảng dạy bậc cao đẳng, đại học và sau đại học các chuyên ngành Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ, v.v.

Các chính sách về giáo dục và đào tạo nêu trên, đã góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho đồng bào dân tộc Khmer; từ đó, tạo chuyển biến trong nhận thức, tư tưởng về xây dựng và phát triển kinh tế trong đồng bào dân tộc cùng cộng

đồng dân cư, góp phần thực hiện có hiệu quả công tác xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới.

Tuy nhiên, các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với dân tộc Khmer cũng còn những bất cập: Việc triển khai chính sách đôi lúc chưa kịp thời, thiếu đồng bộ và chưa được vận dụng một cách sáng tạo vào thực tiễn các địa phương; nhận thức của các cấp, các ngành, địa phương và một số cán bộ, đảng viên về vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc chưa thật sâu sắc và thiếu tính toàn diện. Từ đó, dẫn đến những mặt hạn chế: đời sống kinh tế của đồng bào dân tộc Khmer vẫn còn gặp khó khăn; tình trạng thiếu đất sản xuất, thiếu tư liệu sản xuất và tỷ lệ hộ nghèo luôn ở mức cao so với tỷ lệ hộ nghèo trong vùng; thất nghiệp và thiếu việc làm còn khá phổ biến; trình độ dân trí nhìn chung còn thấp và chưa đồng đều dẫn đến việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và sử dụng đồng vốn một số nơi chưa hiệu quả; một bộ phận người dân Khmer chưa thật chủ động trong cách thức quản lý và tổ chức cuộc sống; nhận thức và năng lực tự vươn lên thoát nghèo còn hạn chế.... Nguyên nhân của tình trạng trên là xuất phát điểm về kinh tế của vùng còn thấp; giáo dục và đào tạo toàn vùng thời gian dài lọt vào “vùng trũng”; một phần do nhận thức của người Khmer đôi lúc còn bị ràng buộc bởi một số tập tục gò bó, lạc hậu. Vì vậy, đẩy mạnh chính sách phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là giải pháp nhanh chóng xóa đói, giảm nghèo một cách bền vững; là yêu cầu cấp thiết đối với đồng bào dân tộc Khmer Tây Nam Bộ trong giai đoạn hiện nay.

3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC DÂN TỘC KHMER VÙNG TÂY NAM BỘ GÓP PHẦN THỰC HIỆN XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO MỘT CÁCH BỀN VỮNG

3.1. Các cấp ủy, chính quyền cần nâng cao nhận thức về công tác dân tộc và chính sách dân tộc đối với vùng người Khmer sinh sống.

Nắm chắc các mục tiêu về công tác dân tộc theo Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt *Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020* và Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành *Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020*. Qua đó, xây dựng các chương trình, kế hoạch hành động của ngành, địa phương về công tác dân tộc và thực hiện một cách đồng bộ, có hiệu quả các chính sách dân tộc đối với đồng bào Khmer. Tăng cường vai trò trách nhiệm, nhận thức đối với cán bộ, đảng viên làm công tác dân tộc, nắm chắc và thực hiện công tác dân tộc một cách toàn diện; vận dụng sáng tạo trong thực thi chính sách cho phù hợp với điều kiện, tình hình vùng có người Khmer sinh sống.

3.2. Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và có chính sách phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao cho đồng bào dân tộc Khmer

Một trong những nguyên nhân dẫn đến nghèo khó là đa số người dân tộc chưa được đào tạo nghề, chất lượng lao động thấp, sản phẩm đạt chất lượng kém, khó tiêu thụ, giá thành rẻ. Do đó, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cũng chính là giải pháp để giúp người dân thoát nghèo và phát triển nghề nghiệp cho bản thân và gia đình. Chất lượng nguồn nhân lực của đồng bào dân tộc Khmer là bộ phận nguồn nhân lực không thể tách rời với các dân tộc khác ở Tây Nam Bộ, vì nó có đặc điểm và thế mạnh riêng. Vùng Tây Nam Bộ là vùng đất đai trù phú, thiên nhiên ưu đãi, nguồn nhân lực lại đa dạng; do đó, phát huy thế mạnh nguồn nhân lực của đồng bào Khmer chính là tập

trung để khai thác tiềm năng, lợi thế của vùng Tây Nam Bộ để phát triển kinh tế - xã hội của cả vùng.

Chất lượng nguồn nhân lực được đánh giá không chỉ qua các chỉ số về giáo dục và đào tạo, bằng cấp của người được đào tạo, mà được xét trên tổng thể các khía cạnh về thể lực, trí lực và tâm lực. Do đó, cần phải có nhiều giải pháp đồng bộ để phát triển nguồn nhân lực đồng bào Khmer: phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe; phát triển giáo dục và dạy nghề; vận động, tuyên truyền đến người dân về thay đổi nhận thức làm ăn lạc hậu, tiếp thu khoa học kỹ thuật vào sản xuất; sử dụng có hiệu quả đồng vốn sản xuất, kinh doanh; ý thức làm giàu chính đáng và thoát nghèo bền vững; xây dựng nông thôn mới, v.v. Đồng thời, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cũng nhằm tạo điều kiện cho đồng bào Khmer có cơ hội tiếp cận với những tiến bộ mới, đáp ứng yêu cầu lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với bản thân và xã hội; loại bỏ những tư tưởng xung đột về nhận thức do nghèo khó mang lại.

Vì vậy, các địa phương trong vùng và toàn vùng cần có quy hoạch phát triển nguồn nhân lực cho đồng bào Khmer với định hướng trước mắt và lâu dài, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của vùng và địa phương. Đồng thời, phải xem phát triển nguồn nhân lực của đồng bào Khmer là chiến lược công tác dân tộc của Đảng, Nhà nước; là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và của cả hệ thống chính trị.

3.3. Đẩy mạnh thực hiện chính sách phát triển giáo dục và đào tạo cho người dân Khmer

Nhà nước cần quan tâm đến các điều kiện về cơ sở vật chất, con người phục vụ yêu cầu giáo dục và đào tạo của đồng bào Khmer; tạo điều kiện cho mọi người đều có thể tham gia học tập. Do đó, phải tiến hành phân bổ, bố trí sắp xếp hệ thống giáo dục từ mầm non đến phổ thông, các trường chuyên

biệt, các trường đào tạo nghề, cao đẳng, đại học một cách hợp lý. Tăng cường đội ngũ giáo viên là người dân tộc; kịp thời phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng nhân tài, học hàm, học vị cao cho người Khmer để làm nòng cốt, đầu tàu trong dẫn dắt về khoa học kỹ thuật, quản lý sản xuất, kinh doanh, quản lý kinh tế - xã hội, v.v. để nhanh chóng giúp đồng bào Khmer nâng cao chất lượng lao động, thay đổi nhận thức làm ăn lạc hậu, nhỏ lẻ, khép kín từ bao đời nay.

Cần nghiên cứu và có chính sách ưu tiên hơn nữa trong việc đào tạo, bồi dưỡng, cử tuyển, tuyển dụng đối với đồng bào dân tộc Khmer. Nâng cao chất lượng và phát triển các trường PTDTNT đáp ứng nhu cầu của vùng, địa phương. Đặc biệt, mở rộng việc dạy và học ngôn ngữ Khmer trong trường học; các trường, khoa dự bị đại học cần tiếp tục mở rộng để tạo điều kiện đào tạo đại học cho đồng bào Khmer; đồng thời, có chế độ ưu tiên, hỗ trợ cho học sinh, sinh viên người Khmer đi học, chú ý đối với vùng đặc biệt khó khăn. Tiếp tục nâng cao chất lượng Học viện Phật giáo Nam tông Khmer tại thành phố Cần Thơ và Trường Bồ tát văn hóa Pali Trung cấp Nam Bộ tại Sóc Trăng. Nghiên cứu thành lập Trường Cao đẳng Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ để duy trì, bảo tồn và phát huy văn hóa, nghệ thuật Khmer Nam Bộ, không bị mai một theo thời gian. Nhà nước cũng cần sớm thành lập Học viện Dân tộc để người Khmer tham gia học tập, nghiên cứu nhằm đào tạo đội ngũ trí thức, tạo nguồn cán bộ và phát triển nhân lực trong đồng bào Khmer cũng như các dân tộc khác ở Việt Nam.

Bên cạnh đó, các ngành, địa phương cần nghiên cứu xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, chính sách về: đổi mới chương trình giáo dục trong trường PTDTNT; tăng cường củng cố vốn tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số; xây dựng chương trình đào

tạo cán bộ, giáo viên công tác tại các vùng dân tộc thiểu số; chính sách hỗ trợ học bổng cho sinh viên người dân tộc thiểu số nghèo, cận nghèo thi đỗ vào các trường đại học; chính sách thu hút, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ người có tài trong hoạt động công vụ vùng dân tộc thiểu số, v.v. Tăng cường hợp tác thu hút các nguồn lực vốn đầu tư, khoa học kỹ thuật, kinh nghiệm của các nước, các tổ chức quốc tế, tập thể, cá nhân ở nước ngoài hỗ trợ đầu tư phát triển kinh tế - xã hội cho vùng dân tộc thiểu số, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giảm nghèo nhanh và bền vững.

Tiếp tục nghiên cứu đa dạng hóa các loại hình đào tạo, bồi dưỡng, dạy nghề trong vùng có nhiều đồng bào Khmer sinh sống; phát triển các loại hình vừa học, vừa làm; đưa chương trình dạy nghề vào các trường PTDTNT; vận động, khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tham gia dạy nghề và tạo việc làm cho đồng bào Khmer. Thực hiện tốt chủ trương đào tạo, bồi dưỡng thanh niên người dân tộc thiểu số đang tại ngũ để tạo nguồn cán bộ khi xuất ngũ về địa phương.

Thực hiện chính sách phát triển nguồn nhân lực, chính sách giáo dục và đào tạo cho đồng bào dân tộc Khmer Tây Nam Bộ phải kết hợp thực hiện đồng bộ với các chính sách phát triển khác: phát triển cơ sở hạ tầng, xây dựng nông thôn mới, xóa đói, giảm nghèo... Đặc biệt là xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh có sự tham gia lãnh đạo, quản lý của cán bộ, đảng viên là người Khmer để đảm bảo các chính sách được thực hiện một cách toàn diện và thông suốt tới từng đối tượng, tầng lớp dân cư trong vùng dân tộc Khmer sinh sống.

4. KẾT LUẬN

Công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và của cả hệ thống chính trị.

Yêu cầu trước mắt để hướng đến mục tiêu: “Phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, nhanh, bền vững; đẩy mạnh giảm nghèo vùng dân tộc thiểu số, rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các dân tộc, giảm dần vùng đặc biệt khó khăn, từng bước hình thành các trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học vùng dân tộc thiểu số; phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số; tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số; củng cố hệ thống chính trị cơ sở, giữ vững khối đại đoàn kết các dân tộc, đảm bảo an ninh quốc phòng” đối với đồng bào Khmer là đẩy nhanh xóa đói, giảm nghèo theo hướng bền vững. Kinh nghiệm cho thấy: nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là giải pháp có ý nghĩa thực tiễn và mang tính hiệu quả cao trong thực hiện chủ trương xóa đói, giảm nghèo của các quốc gia và ở Việt Nam. Phát triển giáo dục và đào tạo là điều kiện tiên quyết để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và nguồn nhân lực trình độ cao; đồng thời, là vấn đề mang tính cấp bách đối với đồng bào dân tộc Khmer Tây Nam Bộ trong giai đoạn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thủ tướng Chính phủ (2008), *Quyết định 74/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về giải quyết đất ở, đất sản xuất và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo ĐBSCL*.
2. Thủ tướng Chính phủ (2008), *Quyết định 167/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, góp phần an cư lạc nghiệp, ổn định cuộc sống cho đồng bào dân tộc Khmer nghèo*.
3. Thủ tướng Chính phủ (2009), *Quyết định số 1952/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt đến năm 2010 cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn*.

4. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020*.
5. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg về hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn*.
6. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12/3/2013 về việc phê duyệt chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020*.
7. Thủ tướng Chính phủ (2011), *Quyết định số 1033/QĐ-TTg ngày 30/6/2011 về phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2011-2015*.
8. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định 1342/QĐ-TTg ngày 25/8/2009 về chính sách hỗ trợ định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số du canh, du cư đến năm 2012*.

ABSTRACT

Ethnic group Khmer is one of those ethnic minorities in Southwest Vietnam that concentrates mainly in Soc Trang and Tra Vinh province. Southwest Vietnam (or be called as Red River Delta) is a fertile area, high in economic potentiality. To exploit this potentiality, strengths of this region, beside the implementation of social-economic development strategy of the country, the state need to increase those policies aim at developing the regions of ethnic minorities, in which there're regions of Khmer and Southwest Vietnam. Especially, to improve the quality of workforce of Khmer ethnic group to contribute to the development of economy-society of Southwest Vietnam in a stabilized way. National Assembly and the State, for many years, have issued many regimes and policies, of which, the policy of improving the quality of workforce and labor source with high qualification level is especially cared.